



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



Thành viên hạng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

117  
ÔN  
T  
KIỂM  
U  
XX  
03  
NG  
P  
M  
NG  
A  
CH

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Len	Chủ tịch
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên
Bà Võ Thị Hà Giang	Thành viên

**Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

**Ban Kiểm soát**

Bà Đặng Thị Đoàn Trang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên
Bà Mai Ngọc Liên	Thành viên

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Xuân Hải - Tổng Giám đốc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính văn phòng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính văn phòng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính văn phòng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính văn phòng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly,



**Bùi Xuân Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 25 tháng 03 năm 2025



Số: 032501/2025/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính văn phòng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng từ các năm trước. Nếu Công ty hạch toán các khoản đã chi này vào kết quả kinh doanh của các năm trước thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận các khoản công nợ phải thu khách hàng của Công ty với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 21.384.619.226 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 38.447.077.322 đồng), trả trước cho người bán với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 298.692.145 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 302.942.145 đồng), phải trả cho người bán với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.334.216.419 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.224.216.418 đồng) và phải thu ngắn hạn khác với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.109.341.558 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.109.341.558 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính hiện hữu và đầy đủ các khoản mục công nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho những khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền 22.618.083.150 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.298.423.831 đồng). Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng công nợ phải thu khó đòi vào các năm trước thì trên báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 22.618.083.150 đồng và chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 40.373.197.726 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 37.751.647.457 đồng). Trên Báo cáo tài chính văn phòng của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 67.214.905.764 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 63.510.798.253 đồng), vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đang âm 7.900.460.721 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 âm 4.196.353.210 đồng). Thù lao HĐQT Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 40.255.432.040 đồng là nợ xấu. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tăng cường công tác thu hồi công nợ trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của các đối tác cho vay để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2023-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**Nguyễn Huy Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2023-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>35.524.258.052</b>	<b>43.334.382.651</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.032.246.148</b>	<b>4.807.430.880</b>
1. Tiền	111	V.1	4.032.246.148	4.807.430.880
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.6</b>	<b>510.000.000</b>	<b>540.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(490.000.000)	(460.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.976.136.904</b>	<b>37.485.425.074</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	42.451.923.499	49.245.331.725
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		298.692.145	302.942.145
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.421.666.679	2.421.666.679
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	2.192.140.808	2.109.341.558
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(16.388.286.227)	(16.593.857.033)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>-</b>	<b>390.440.191</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.565.117	406.005.308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.565.117)	(15.565.117)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.875.000</b>	<b>111.086.506</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	5.875.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	111.086.506
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.510.139.278</b>	<b>33.592.696.520</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>195.325.427</b>	<b>195.325.427</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	195.325.427	195.325.427
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>59.624.428</b>	<b>477.086.147</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	59.624.428	477.086.147
- Nguyên giá	222		1.487.685.543	2.222.112.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.428.061.115)	(1.745.026.669)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.449.328</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.449.328	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.9</b>	<b>32.208.806.031</b>	<b>32.913.458.589</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.791.193.969)	(2.086.541.411)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.934.064</b>	<b>6.826.357</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	31.934.064	6.826.357
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>68.034.397.330</b>	<b>76.927.079.171</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>75.934.858.051</b>	<b>81.123.432.381</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>75.897.455.778</b>	<b>81.086.030.108</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	27.572.048.048	30.274.862.332
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.250.000	5.250.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	10.969.822	25.185.242
4. Phải trả người lao động	314		44.009.810	28.491.392
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	16.296.169.506	13.657.066.878
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		236.352.394	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.168.464.377	1.168.482.443
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	32.408.500.000	37.771.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.844.308.179)	(1.844.308.179)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.402.273</b>	<b>37.402.273</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	37.402.273	37.402.273
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(7.900.460.721)</b>	<b>(4.196.353.210)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>(7.900.460.721)</b>	<b>(4.196.353.210)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(7.320.000)	(7.320.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.321.765.043	14.321.765.043
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(67.214.905.764)	(63.510.798.253)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(63.510.798.253)	(57.223.323.500)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(3.704.107.511)	(6.287.474.753)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>68.034.397.330</b>	<b>76.927.079.171</b>



Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu



Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		41.863.178.874	39.056.354.101
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	41.863.178.874	39.056.354.101
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41.544.224.911	38.755.057.591
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		318.953.963	301.296.510
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.681.801	8.098.475
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.973.755.186	4.945.684.032
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.239.102.628	3.495.073.410
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	651.918.719	895.613.461
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.300.038.141)	(5.531.902.508)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.493.656.535	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	843.408.707	372.170.672
13. Lợi nhuận khác	40		650.247.828	(372.170.672)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.649.790.313)	(5.904.073.180)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	54.317.198	383.401.573
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.704.107.511)	(6.287.474.753)

Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu

Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.649.790.313)	(5.904.073.180)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	70.648.886	91.049.634
Các khoản dự phòng	03	529.081.752	1.072.700.032
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(3.842.710)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	285.585.577	(4.255.765)
Chi phí lãi vay	06	3.239.102.628	3.495.073.410
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	474.628.530	(1.253.348.579)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	6.825.945.482	3.347.498.973
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	390.440.191	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(2.479.626.286)	2.834.377.936
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(30.982.707)	32.801.989
Tiền lãi vay đã trả	14	(600.000.000)	(800.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(54.317.198)	(383.401.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.526.088.012	3.777.928.746
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	54.545.455	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.681.801	4.255.765
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	61.227.256	4.255.765
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.362.500.000)	(1.429.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.362.500.000)	(1.429.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(775.184.732)	2.353.184.511
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.807.430.880	2.454.246.369
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.032.246.148	4.807.430.880



Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu



Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng




Bùi Xuân Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 5900305243. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần là 4.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Quyết định số 313/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY bị hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017.

Theo Quyết định số 395/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 06 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (mã chứng khoán SDY) được giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán UPCOM từ ngày 02 tháng 06 năm 2017.

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Gia công xi măng;
- Vận chuyển clinker;

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Hiện nay Công ty có một (01) đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Xi nghiệp khai thác đá và một (01) Công ty con. Thông tin về Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	100%	100%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

**6. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6 người, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 6 người.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính văn phòng**

Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 40.373.197.726 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 37.751.647.457 đồng). Trên Báo cáo tài chính văn phòng của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 67.214.905.764 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 63.510.798.253 đồng), vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đang âm 7.900.460.721 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 âm 4.196.353.210 đồng).

Thù lao HĐQT Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 40.255.432.040 đồng là nợ xấu.

Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

Tổng Giám đốc của Công ty đã xây dựng các kế hoạch để tăng cường khả năng thu hồi công nợ, tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông. Đồng thời, Tổng Giám đốc của Công ty đã làm việc với các nhà cung cấp và các đối tác cho vay để cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn. Với các khoản đi vay, các đối tác cho vay đã tạo điều kiện gia hạn nợ cho Công ty hàng năm.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh đã ký phụ lục hợp đồng số 06 ngày 15 tháng 12 năm 2023 với Công ty cam kết sản lượng gia công xi măng trong 05 năm tới đạt tối thiểu 100.000 tấn. Nếu không đạt, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh sẽ có chính sách bù giá cho Công ty.

Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính văn phòng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính văn phòng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính văn phòng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Tăng, giảm số dư phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương tiện vận tải, truyền dẫn  
Máy móc thiết bị

Năm  
10  
03 - 15

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định cuối cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	197.119.454	27.128.120
Tiền gửi ngân hàng	3.835.126.694	4.780.302.760
<b>Cộng</b>	<b>4.032.246.148</b>	<b>4.807.430.880</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.835.645.908	14.835.645.908
- Chi nhánh 307	14.775.996.860	14.775.996.860
- Văn phòng Công ty	59.649.048	59.649.048
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.571.916.274	2.571.916.274
- Chi nhánh 603	1.886.039.137	1.886.039.137
- Văn phòng Công ty	685.877.137	685.877.137
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	10.152.103.031
Xí nghiệp Sông Đà 11.5 Thăng Long	492.212.947	4.092.212.947
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	2.773.180.260	4.123.615.241
Chi nhánh Công ty TNHH SCG International Việt Nam tại Đà Nẵng	2.876.446.371	2.551.890.323
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.750.418.708	10.917.948.001
<b>Cộng</b>	<b>42.451.923.499</b>	<b>49.245.331.725</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**3. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	82.799.250	-
Phải thu khác	2.109.341.558	2.109.341.558
<b>Cộng</b>	<b>2.192.140.808</b>	<b>2.109.341.558</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	195.325.427	195.325.427
<b>Cộng</b>	<b>195.325.427</b>	<b>195.325.427</b>

**4. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.565.117	(15.565.117)	15.565.117	(15.565.117)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	390.440.191	-
<b>Cộng</b>	<b>15.565.117</b>	<b>(15.565.117)</b>	<b>406.005.308</b>	<b>(15.565.117)</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí trả trước khác	5.875.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.875.000</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.272.224	-
- Các khoản khác	24.661.840	6.826.357
<b>Cộng</b>	<b>31.934.064</b>	<b>6.826.357</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÁN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính vắn phòng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng khoán kinh doanh				
Cổ phiếu SD3 (100.000 cổ phiếu)	1.000.000.000	510.000.000	1.000.000.000	540.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>510.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>540.000.000</b>

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>37.843.148.337</b>	<b>23.253.684.901</b>	<b>42.506.997.161</b>	<b>27.711.962.919</b>
- Chi nhánh Sông Đà 3.07 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.775.996.860	14.775.996.860	14.775.996.860	14.775.996.860
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3 - Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	10.152.103.031	-	10.152.103.031	-
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.680.971.155	1.680.971.155	1.680.971.155	1.680.971.155
- Các đối tượng khác	1.349.712.204	1.349.712.204	1.349.712.204	1.349.712.204
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>9.198.487.950</b>	<b>5.378.679.659</b>	<b>13.862.336.774</b>	<b>9.836.957.677</b>
- Công ty CP TV&HD Khoáng sản Geminco	302.942.145	202.942.145	302.942.145	202.942.145
- Các đối tượng khác	280.000.000	180.000.000	280.000.000	180.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.109.341.558</b>	<b>410.518.767</b>	<b>2.109.341.558</b>	<b>410.518.767</b>
- Vũ Văn Bàu	22.942.145	22.942.145	22.942.145	22.942.145
- Nguyễn Xuân Toàn	516.993.815	-	516.993.815	-
- Các đối tượng khác	109.601.873	-	109.601.873	-
<b>Cộng</b>	<b>40.255.432.040</b>	<b>23.867.145.813</b>	<b>44.919.280.864</b>	<b>28.325.423.831</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY  
Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính van phòng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày đầu năm	1.801.234.634	420.878.182	2.222.112.816
Thanh lý, nhượng bán	(734.427.273)	-	(734.427.273)
Tại ngày cuối năm	<u>1.066.807.361</u>	<u>420.878.182</u>	<u>1.487.685.543</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày đầu năm	1.425.860.731	319.165.938	1.745.026.669
Khấu hao trong năm	28.561.070	42.087.816	70.648.886
Thanh lý, nhượng bán	(387.614.440)	-	(387.614.440)
Tại ngày cuối năm	<u>1.066.807.361</u>	<u>361.253.754</u>	<u>1.428.061.115</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	375.373.903	101.712.244	477.086.147
Tại ngày cuối năm	-	59.624.428	59.624.428

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.066.807.361 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.066.807.361 đồng).

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

*Đầu tư vào Công ty con*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	100%	35.000.000.000	100%	35.000.000.000
Cộng		<u>35.000.000.000</u>		<u>35.000.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHONG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính van phòng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	19.377.658.237	19.377.658.237	20.096.572.968	20.096.572.968
Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh Than Xuân Phú	3.860.173.392	3.860.173.392	4.954.072.946	4.954.072.946
Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Dân Sanh	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000
Phải trả nhà cung cấp khác	3.434.216.419	3.434.216.419	4.324.216.418	4.324.216.418
<b>Cộng</b>	<b>27.572.048.048</b>	<b>27.572.048.048</b>	<b>30.274.862.332</b>	<b>30.274.862.332</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)</b>	<b>19.377.658.237</b>	<b>19.377.658.237</b>	<b>20.096.572.968</b>	<b>20.096.572.968</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản phải trả quá hạn chưa thanh toán với số tiền 4.334.216.419 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.224.216.418 đồng).

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm		Số đã thực trả, bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đầu năm VND	Giá trị VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	4.522.880	3.478.530.914	3.474.008.034	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	54.317.198	54.317.198	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.446.942	29.261.538	47.999.838	25.185.242	25.185.242	25.185.242
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	51.862.600	51.862.600	-	-	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	50.166.126	50.166.126	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.969.822</b>	<b>3.668.138.376</b>	<b>3.682.353.796</b>	<b>25.185.242</b>	<b>25.185.242</b>	<b>25.185.242</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	15.862.026.023	13.222.923.395
Trích trước chi phí mua phụ gia	401.854.636	401.854.636
Các khoản chi phí phải trả khác	32.288.847	32.288.847
<b>Cộng</b>	<b>16.296.169.506</b>	<b>13.657.066.878</b>
Trong đó: Phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)	15.862.026.023	13.222.923.395

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng Quản trị	1.098.250.000	1.098.250.000
Phải trả khác	70.214.377	70.232.443
<b>Cộng</b>	<b>1.168.464.377</b>	<b>1.168.482.443</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	37.402.273	37.402.273
<b>Cộng</b>	<b>37.402.273</b>	<b>37.402.273</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính vạn phòng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Trần Thị Kim Thoa (i)	31.008.500.000	31.008.500.000	-	4.462.500.000	35.471.000.000	35.471.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (ii)	1.400.000.000	1.400.000.000	-	900.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	<b>32.408.500.000</b>	<b>32.408.500.000</b>	<b>-</b>	<b>5.362.500.000</b>	<b>37.771.000.000</b>	<b>37.771.000.000</b>
<b>Vay và nợ thuế tài chính là các bên liên quan</b> <b>(Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)</b>	<b>32.408.500.000</b>	<b>32.408.500.000</b>			<b>37.771.000.000</b>	<b>37.771.000.000</b>

- (i) Khoản vay cá nhân của bà Trần Thị Kim Thoa theo các hợp đồng vay vốn cụ thể. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn các khoản vay là 12 tháng kể từ ngày nhận được khoản vay. Theo các phụ lục hợp đồng được ký kết trong năm 2024, khoản vay được gia hạn hoàn trả đến năm 2025. Lãi suất vay vốn hiện tại là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay với Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện) theo hợp đồng vay vốn số 1412/PTIC-SDY ngày 14 tháng 12 năm 2017 và các phụ lục kèm theo với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 11%/năm (từ ngày 22/08/2019 là 9%/năm). Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2024 gia hạn thời gian vay nợ đến 14 tháng 12 năm 2025.

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(57.223.323.500)	2.091.121.543				
Lỗ trong năm	-	-	-	(6.287.474.753)	(6.287.474.753)				
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(63.510.798.253)	(4.196.353.210)				
Lỗ trong năm	-	-	-	(3.704.107.511)	(3.704.107.511)				
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(67.214.905.764)	(7.900.460.721)				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000VND/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.686.689.320	39.056.354.101
Doanh thu khác	176.489.554	-
<b>Cộng</b>	<b>41.863.178.874</b>	<b>39.056.354.101</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	41.298.655.690	38.755.057.591
Giá vốn hoạt động khác	245.569.221	-
<b>Cộng</b>	<b>41.544.224.911</b>	<b>38.755.057.591</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.681.801	4.255.765
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.842.710
<b>Cộng</b>	<b>6.681.801</b>	<b>8.098.475</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.239.102.628	3.495.073.410
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	30.000.000	(170.000.000)
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	704.652.558	1.620.610.622
<b>Cộng</b>	<b>3.973.755.186</b>	<b>4.945.684.032</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	556.953.919	516.106.620
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	23.914.643	69.148.743
Thuế, phí và lệ phí	56.843.044	102.514.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.421.444	540.260.127
Chi phí bằng tiền khác	87.356.475	45.493.655
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(205.570.806)	(377.910.590)
<b>Cộng</b>	<b>651.918.719</b>	<b>895.613.461</b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh bù chi phí cho sản lượng xi măng gia công	1.493.656.535	-
<b>Cộng</b>	<b>1.493.656.535</b>	<b>-</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	292.267.378	-
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	44.802.252	281.121.038
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	70.648.886	91.049.634
Các khoản khác	435.690.191	-
<b>Cộng</b>	<b>843.408.707</b>	<b>372.170.672</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	(3.649.790.313)	(5.904.073.180)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	3.649.790.313	5.217.944.114
Các khoản điều chỉnh tăng	3.923.343.957	5.595.854.704
- Lãi vay loại trừ	3.239.102.628	3.495.073.410
- Phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	44.802.252	281.121.038
- Chi phí khấu hao loại trừ	70.648.886	91.049.634
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	132.000.000	108.000.000
- Chi phí loại trừ khác	436.790.191	1.620.610.622
Các khoản điều chỉnh giảm	273.553.644	377.910.590
- Chuyển lỗ lũy kế năm trước	205.570.806	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	67.982.838	377.910.590
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>(686.129.066)</b>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>(686.129.066)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Điều chỉnh khác</b>	<b>54.317.198</b>	<b>383.401.573</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước theo biên bản thanh tra thuế	54.317.198	383.401.573
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>54.317.198</b>	<b>383.401.573</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính văn phòng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính văn phòng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.914.643	69.148.743
Chi phí nhân công	556.953.919	516.106.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.676.646.355	39.253.229.902
Chi phí khác bằng tiền	144.199.519	148.008.561
<b>Cộng</b>	<b>42.401.714.436</b>	<b>39.986.493.826</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG**

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 98/HĐTĐ ngày 18 tháng 08 năm 2017 tại xã H'ông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai với mục đích sử dụng đất làm nhà kho chứa vật liệu nổ xây dựng. Thời gian thuê đất đến ngày 11 tháng 11 năm 2018. Tổng diện tích khu đất thuê là 20.000 m<sup>2</sup>. Đến hiện tại, hợp đồng thuê đất đã hết hạn, tuy nhiên do chưa hoàn thành thủ tục đóng cửa mở nên Công ty vẫn phải nộp tiền thuê đất hàng năm.

**2. NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê của hợp đồng thuê đất. Hiện tại Công ty chưa thể ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì chưa có hướng dẫn cụ thể và ước tính một cách đáng tin cậy. Do đó Công ty chưa ghi nhận chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM  
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital

Bà Trần Thị Len  
Ông Bùi Xuân Hải  
Ông Trần Anh Minh  
Ông Trần Quang Ninh  
Bà Trần Thị Hạnh Nguyên  
Ông Trần Quang Huy  
Bà Trần Thị Kim Thoa

Các thành viên chủ chốt khác trong HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt

**Mối quan hệ**

Công ty con  
Công ty có cùng thành viên quản lý  
chủ chốt  
Chủ tịch HĐQT  
Tổng Giám đốc  
Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Mua hàng</b>	<b>26.834.338.210</b>	<b>24.707.258.150</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	26.834.338.210	24.707.258.150
<b>Trả nợ gốc vay</b>	<b>5.362.500.000</b>	<b>1.429.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	900.000.000	700.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	4.462.500.000	729.000.000
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>3.239.102.628</b>	<b>3.495.073.410</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	181.875.000	237.625.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	3.057.227.628	3.257.448.410

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>19.377.658.237</b>	<b>20.096.572.968</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	19.377.658.237	20.096.572.968
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>15.862.026.023</b>	<b>13.222.923.395</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	5.163.386.286	5.381.511.286
Bà Trần Thị Kim Thoa	10.599.889.737	7.742.662.109
Bà Đặng Thị Đoàn Trang	98.750.000	98.750.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>32.408.500.000</b>	<b>37.771.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	1.400.000.000	2.300.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	31.008.500.000	35.471.000.000

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>108.000.000</b>	<b>119.000.000</b>
Bà Trần Thị Len	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hà (Chủ tịch HĐQT - miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2023)	-	11.000.000
Ông Bùi Xuân Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Võ Thị Hà Giang	36.000.000	36.000.000
<b>Tổng Giám đốc</b>	<b>27.941.153</b>	<b>29.653.405</b>
Ông Bùi Xuân Hải	27.941.153	29.653.405
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>69.255.579</b>	<b>61.372.908</b>
Bà Đặng Thị Đoàn Trang	36.000.000	25.000.000
Bà Mai Ngọc Liên	21.255.579	24.372.908
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b>205.196.732</b>	<b>210.026.313</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính văn phòng kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 0 đồng.

**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 5.362.500.000 đồng.

**5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính văn phòng.



Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu



Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2025